



# CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

## BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 01/VAPU/2025

### I. Thông tin về thương nhân tự công bố sản phẩm:

Thương nhân: **CÔNG TY TNHH VAPU HERBAL**

Địa chỉ: 5/2/4 Đường 27, Khu phố 9, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành Phố Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 0904912478

Mã số doanh nghiệp: 0317154802

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Cơ sở không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định tại điểm đ, khoản 1, điều 12, nghị định 15/2018/NĐ-CP.

### II. Thông tin sản phẩm:

**1. Tên sản phẩm: Bột nước mát hạt chia VAPU COOL**

**2. Thành phần:** Râu ngô, rễ cỏ tranh, cúc hoa vàng, atiso, kim ngân hoa, cây mã đề, hạt chia (7,14%), đường lactose, chất tạo ngọt tự nhiên (INS 421), rễ cam thảo, la hán quả, thực địa, hương liệu tổng hợp (hương bắp), chất tạo ngọt tự nhiên (INS 960a).

**3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:** 36 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất xem trên bao bì sản phẩm.

#### 4. Chất liệu bao bì và quy cách đóng gói:

+ Quy cách đóng gói: đóng gói kín. Khối lượng tịnh: 7 g/gói, 70 g (7 g x 10 gói)/hộp hoặc quy cách khác tùy theo nhu cầu thị trường.

+ Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong bao bì màng nhôm ghép PE, bên ngoài là hộp giấy. Bao bì đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định Bộ Y Tế.

#### 5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

+ Sản xuất tại: **CÔNG TY TNHH MEDIPHAR USA**

+ Địa chỉ: Ấp Bình Tiên 2, Xã Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An, Việt Nam.



Giấy chứng nhận ISO 22000: 2018 số: HA 526. Ngày cấp: 06/09/2024. Nơi cấp: Viện Nghiên cứu Phát triển Tiêu chuẩn Chất lượng.

Xuất xứ: Việt Nam

**III. Mẫu nhãn sản phẩm:** (Nhãn sản phẩm hoặc nhãn dự thảo sản phẩm đính kèm)

**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:**

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-2:2011/BYT, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm
- QCVN 8-1:2011/BYT, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm
- Theo tiêu chuẩn sản phẩm của nhà sản xuất số 02/MDP-MIRA/2024, ngày 06-09-2024
- Thông tư số 24/2019/TT-BYT: Thông tư quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.
- Thông tư số 17/2023/TT-BYT, Thông tư sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2025

**ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHẬN**



**Nguyễn Văn Phúc**



## NHÃN DỰ THẢO SẢN PHẨM

**Tên sản phẩm: Bột nước mát hạt chia VAPU COOL**

**Thành phần:** Râu ngô, rễ cỏ tranh, cúc hoa vàng, Atiso, kim ngân hoa, cây mã đề, hạt chia (7,14%), đường lactose, chất tạo ngọt tự nhiên (INS 421), rễ cam thảo, la hán quả, thực địa, hương liệu tổng hợp (hương bắp), chất tạo ngọt tự nhiên (INS 960a).

**Hướng dẫn sử dụng:** Hoà tan 1 gói trong 150 – 200 ml nước, sẽ ngon hơn khi uống lạnh.

**Thông tin cảnh báo:** *Không dùng sản phẩm khi đã hết hạn sử dụng. Tránh xa tầm tay trẻ em*

**Hướng dẫn bảo quản:** Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng mặt trời trực tiếp chiếu lên sản phẩm.

**NSX:** .../.../...

**HSD:** ..../.../....

**Khối lượng tịnh:** 7 g/gói, 70 g (7 g x 10 gói)/hộp

**Thương nhân chịu trách nhiệm về sản phẩm: CÔNG TY TNHH VAPU HERBAL**

Địa chỉ: 5/2/4 Đường 27, Khu phố 9, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành Phố Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Hotline: 0904 912 478 – 0907 227 145

**Sản xuất tại: CÔNG TY TNHH MEDIPHAR USA**

Địa chỉ: Ấp Bình Tiên 2, Xã Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An, Việt Nam.

**Sản xuất tại Việt Nam**

**Số TCB: 01/VAPU/2025**



Số: 01/MDP-VAPU/2024

Ngày: 10/12/2024

## TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM

1. Tên sản phẩm: Bột nước mát hạt chia VAPU COOL

2. Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất

Sản xuất tại: CÔNG TY TNHH MEDIPHAR USA

Địa chỉ: Ấp Bình Tiên 2, Xã Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An, Việt Nam

3. Thành phần cấu tạo: Râu ngô, rễ cỏ tranh, cúc hoa vàng, lá atiso, kim ngân hoa, cây mã đề, hạt chia (7,14%), đường lactose, chất tạo ngọt tự nhiên (INS 421), rễ cam thảo, la hán quả, thực địa, hương liệu tổng hợp (hương bắp), chất tạo ngọt tự nhiên (INS 960a).

4. Chỉ tiêu cảm quan

Hình dạng: Dạng bột

Màu sắc: Màu đặc trưng của sản phẩm

Mùi vị: Mùi vị đặc trưng của sản phẩm

Tạp chất: Không lẫn tạp chất

5. Chỉ tiêu an toàn

5.1 Giới hạn về vi sinh vật

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	$10^4$
2	<i>Coliforms</i>	CFU/g	10
3	<i>B.cereus</i>	CFU/g	$10^2$
4	<i>E.coli</i>	CFU/g	Không có
5	<i>Clostridium perfringens</i>	CFU/g	10
6	Tổng số nấm men – nấm mốc	CFU/g	$10^2$

5.2 Giới hạn về kim loại nặng : Theo QCVN 8-2:2011/BYT, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/kg	1,0
2	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/kg	2,0
3	Hàm lượng Arsen (As)	mg/kg	1,0
4	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,05

**5.3 Giới hạn độc tố vi nấm:** QCVN 8-1:2011/BYT, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Aflatoxin B1	$\mu\text{g}/\text{kg}$	2,0
2	Aflatoxin tổng số	$\mu\text{g}/\text{kg}$	4,0
3	Ochratoxin A	$\mu\text{g}/\text{kg}$	80

- 6. Hướng dẫn sử dụng:** Hoà tan 1 gói trong 150 – 200 ml nước, sẽ ngon hơn khi uống lạnh.
- 7. Quy cách đóng gói:** 7 g/gói, 70 g (7 g x 10 gói)/hộp hoặc quy cách khác tùy theo nhu cầu thị trường.
- 8. Thời hạn sử dụng:** 36 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất xem trên bao bì sản phẩm.
- 9. Hướng dẫn bảo quản:** Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng mặt trời trực tiếp chiếu lên sản phẩm.

**CÔNG TY TNHH MEDIPHAR USA**



**GIÁM ĐỐC**  
*Vũ Đức Mạnh*



## PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: HT24-T12/ 330R

Tên mẫu : Bột nước mát hạt chia VAPU COOL  
Nơi gửi mẫu : CÔNG TY TNHH VAPU HERBAL  
Địa chỉ : 5/2/4 Đường 27, khu phố 9, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Mã số mẫu : HT24 - T12 - 330 Dạng sản phẩm : Dạng bột  
Nơi sản xuất : CÔNG TY TNHH MEDIPHAR USA  
Địa chỉ : Ấp Bình Tiên 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, Việt Nam.  
Ngày nhận mẫu : 20/12/2024  
Thời gian thử nghiệm : Từ 20/12/2024 đến 27/12/2024  
Yêu cầu kiểm tra : Theo phiếu yêu cầu kiểm nghiệm.

Tình trạng mẫu khi nhận: Mẫu dạng bột đựng trong gói, bên ngoài là hộp giấy còn niêm phong, có nhãn mác rõ ràng, đầy đủ. Gói 7g, hộp 10 gói.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử
1.01*	Chì (Pb)	ppm	KPH (LOD = 0,73)	HTPP015 : 2022 (Ref TCVN 8126: 2009)
1.02*	Cadimi (Cd)	ppm	KPH (LOD = 0,12)	HTPP016 : 2022 (Ref TCVN 8126: 2009)
1.03*	Thủy ngân (Hg)	ppm	KPH (LOD = 0,02)	TCVN 7604 : 2007
1.04*	Tổng số nấm men - nấm mốc	cfu/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 8275-2 : 2010
1.05*	Escherichia coli	cfu/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 7924-2 : 2008
1.06*	Coliforms	cfu/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 6848 : 2007
1.07*	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/g	$4,5 \times 10^1$	TCVN 4884-1 : 2015
1.08*	Clostridium perfringens	cfu/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 4991 : 2005

Bộ phận nhận mẫu và trả kết quả 0977.552.390 - 0987.523.102

Nam Định, ngày 27 tháng 12 năm 2024



GIÁM ĐỐC  
BÙI HẢI YẾN

### Ghi chú:

- Chỉ tiêu đánh dấu \* là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025. KPH: Là không phát hiện, HTTP: Phương pháp thử nội bộ.
- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị với mẫu gửi. Thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Không được sao chép một phần kết quả này khi chưa được sự đồng ý của phòng thí nghiệm.
- Phòng thí nghiệm sẽ không nhận khiếu nại về kết quả thử nghiệm nếu hết thời gian lưu hoặc không có mẫu lưu.
- Thời gian lưu mẫu: Nếu không có yêu cầu đặc biệt, thời gian lưu mẫu 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.



Trang/ Page No: 1/2

**KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: BAC3250200560-1

**Tên khách hàng/ Client's Name** : **CÔNG TY TNHH VAPU HERBAL**  
**Địa chỉ/ Client's Address** : 5/2/4 Đường 27, Khu phố 9, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành Phố Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
**Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) received** : 15/02/2025  
**Ngày thử nghiệm/ Date of testing** : 15/02/2025 - 20/02/2025  
**Ngày trả kết quả/ Date of Issue** : 20/02/2025  
**Thông tin mẫu/ Name of Sample** : **Bột nước mát hạt chia VAPU COOL**  
**Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu chứa trong túi nhựa  
**Bảng kết quả/ Results Table** :



Trang/ Page No: 2/2

**KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: BAC3250200560-1

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Asen (As) (*) / Arsenic (As) (*)	<0.01	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
2	Bacillus cereus (*) / Bacillus cereus (*)	<10	CFU/g	AOAC 980.31
3	Aflatoxin tổng số (B1. B2. G1. G2) (*) / Sum of Aflatoxin (B1. B2. G1. G2) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.1)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/091 (Ref. TCVN 6953:2001, TCVN 7596:2007 (ISO 16050:2003))
4	Aflatoxin B1 (*) / Aflatoxin B1 (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.1)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/091 (Ref. TCVN 6953:2001, TCVN 7596:2007 (ISO 16050:2003))
5	Ochratoxin A (*) / Ochratoxin A (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.3)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/092 (Ref. EN 17194:2019)

**Chú thích/ Remarks:**

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.
- (\*\*)(\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (\*\*)(\*) : Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (CN) : Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi./ (CN) : Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
- (TS) : Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản./ (TS) : Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
- LOD : Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
- LOQ : Giới hạn định lượng của phương pháp./ Limit of Quantitation.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng./ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproduced except in full, without approval of AVATEK.
- Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp/ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.
- Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh/ For microbiological analytes:
  - Theo phương pháp đếm đĩa : Kết quả được thể hiện <10 ; <1 ; <5 ; <2 khi không có phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như Không phát hiện./ According to the plate count testing method, the result is expressed <10 ; <1 ; <5 ; <2 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
  - Theo phương pháp lọc : Kết quả được thể hiện <1 khi không phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như không phát hiện./ According to the membrane filter method, the result is expressed <1 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
  - Theo phương pháp đếm số có xác suất lớn nhất (MPN) : Kết quả được thể hiện là 0 ; <1.8 hoặc <3 khi không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau thời gian ủ quy định, kết quả là âm tính (Không phát hiện)/ According to (MPN) method, the result is expressed 0 ; <1.8 or <3 when there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative (Not detected).
- Đối với chỉ tiêu phân tích hóa học/ For chemical analytes:
  - Khi chất phân tích được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là "< LOQ"/ When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as "< LOQ".

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**



**BÙI TÂN BÌNH**

**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
**DEPUTY DIRECTOR**



**TRẦN HOÀNG VINH**





**CÔNG TY TNHH PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM VIỆT TÍN**  
**VIET TIN TESTING CO., LTD**

PTN & VP Nhận mẫu: Số 39A, Đường số 4, P. Bình Trị Đông B, Q. Bình Tân, TP. HCM  
Laboratory & Office: No.39A, 4<sup>th</sup> street, Binh Tri Dong B ward, Binh Tan district, HCM City  
Tel: (028) 3915 8936, (028) 3827 7986 Fax: (028) 3824 7013  
Email: ktclviettin@gmail.com Web: kiemnghiemviettin.com



Số/ No: 06329.2504/KQ-VTT  
Mã số/ Code: KH.2403 2504  
Mã số mẫu/ Sample code: PTN.06029 2504  
Trang/ Page: 1/ 2

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TESTING REPORT**

Tên khách hàng/ Client : **CÔNG TY TNHH VAPU HERBAL**  
Địa chỉ/ Address : 5/2/4 Đường 27, khu phố 9, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 14/04/2025 Thời gian phân tích/ Time of analysis: 14-18/04/2025  
Ngày trả kết quả/ Date of issue : 21/04/2025  
Loại mẫu/ Kind of sample : Thực phẩm Số lượng mẫu/ Quantity of sample: 80g  
Tên mẫu/ Name of sample : **BỘT NƯỚC MÁT HẠT CHIA VAPU COOL**  
Tình trạng mẫu / State of sample : Đóng gói kín

STT/ No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/ PARAMETERS	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/ TESTING METHOD	KẾT QUẢ/ RESULT	ĐƠN VỊ TÍNH/ UNIT
1	Năng lượng	TCVN 7088 : 2015	360	kcal/100g
2	Carbohydrat (không bao gồm chất xơ)	SOP.01-445: 2022 (Ref. AOAC 986.25)	81,0	g/100g
3	Béo tổng (*)	SOP.01-194: 2021 (Ref. FAO FOOD 14/7, page 214)	2,91	g/100g
4	Protein (*)	TCVN 10034: 2013 (ISO 1871 : 2009)	2,41	g/100g
5	Natri (Na) (*)	SOP.01-173:2020 (Ref. AOAC 969.23)	78,5	mg/100g

Ghi chú/ Notes:

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ The results are valid only for testing sample.  
Tên mẫu theo khách hàng yêu cầu/ Name of samples as the client's requirement.  
Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Time-limit of storage: 5 days from reporting date.  
LOD: Giới hạn phát hiện / LOD: Limit of Detection.  
(\*): Chỉ tiêu được VILAS công nhận ISO/IEC 17025:2017/ Items were accredited by VILAS (ISO/IEC 17025:2017)  
(s/c): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ Items are tested by subcontractor

**PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG**  
**QUALITY MANAGER**

**ThS. Huỳnh Ngọc Trương**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**ThS. Nguyễn Văn Tâm**

PTN được chỉ định bởi/ Lab. designated by: Bộ Y Tế - Cục An toàn Thực phẩm/ Ministry of Health - Agency of Food Safety; Bộ NN&PTNT - Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản/ Ministry of Agriculture - National Agro - Forestry - Fisheries Quality Assurance Department; Bộ Công Thương/ Ministry of Industry and Trade of The Socialist Republic of Vietnam.

No. Document: QTCL-13/BM02  
Version: 10  
Date of issue: 15/11/2024

**SỰ KHÁC BIỆT TỪ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VÀ CHUYÊN MÔN**  
**MAKING DIFFERENCES FROM QUALITY OF SERVICES AND KNOWLEDGE**



**CÔNG TY TNHH PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM VIỆT TÍN**  
**VIET TIN TESTING CO., LTD**

PTN & VP Nhận mẫu: Số 39A, Đường số 4, P. Bình Trị Đông B, Q. Bình Tân, TP. HCM  
Laboratory & Office: No.39A, 4<sup>th</sup> street, Binh Tri Dong B ward, Binh Tan district, HCM City  
Tel: (028) 3915 8936, (028) 3827 7986 Fax: (028) 3824 7013  
Email: ktclviettin@gmail.com Web: kiemnghiemviettin.com



Số/ No: 06329.2504/KQ-VTT  
Mã số/ Code: KH.2403 2504  
Mã số mẫu/ Sample code: PTN.06029 2504  
Trang/ Page: 2/ 2

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TESTING REPORT**

**THÔNG TIN DINH DƯỠNG**

Giá trị dinh dưỡng tính trong 100g

	% Giá trị hàng ngày*	
Năng lượng	360 Kcal	
Chất đạm	2.41g	
Carbohydrat	81g	25%
Chất béo	2.91g	5%
Natri	78.5mg	4%

\* Giá trị hàng ngày (%) cho biết một chất dinh dưỡng trong khẩu phần thực phẩm đóng góp bao nhiêu vào chế độ ăn hàng ngày. 2.000 Kcal mỗi ngày được sử dụng để đưa ra các khuyến nghị dinh dưỡng chung.



PTN được chỉ định bởi/ Lab. designated by: Bộ Y Tế - Cục An toàn Thực phẩm/ Ministry of Health - Agency of Food Safety; Bộ NN&PTNT - Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản/ Ministry of Agriculture - National Agro - Forestry - Fisheries Quality Assurance Department; Bộ Công Thương/ Ministry of Industry and Trade of The Socialist Republic of Vietnam.

No. Document: QTCL-13/BM02  
Version: 10  
Date of issue: 15/11/2024

**SỰ KHÁC BIỆT TỪ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VÀ CHUYÊN MÔN**  
**MAKING DIFFERENCES FROM QUALITY OF SERVICES AND KNOWLEDGE**